TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: **428**/2020/HS-PT
Ngày: 18-11-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn.

Các thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương.

Bà Lê Hồng Hương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Xuân Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 336/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Lê Văn G đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 78/2020/HS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: **Lê Văn G** (Tên gọi khác: Lượm), sinh năm 1993 tại: Đồng Nai; nơi cư trú: Khu phố P, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1952; bị cáo là con út trong gia đình có sáu anh chị; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2012, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng tại Cơ sở giáo dục Phú Hòa tại Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 21-3-2012, chấp hành xong quyết định ngày 01-5-2014.

Bị bắt ngày 14-3-2020 *(có mặt)*.

Ngoài ra còn có bị hại không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn G biết được thông tin nhà nghỉ Bình Dân nằm trên đường Lê Hồng Phong thuộc khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai là nơi vắng người và có tài sản. Để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, vào khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 14-3-2020, G điều khiển xe mô tô biển số 60N2-7448, đi từ huyện X về thành phố L, khi đi G mang theo 01 con dao Thái lan, cán bằng gỗ, dài 22cm; 01 sợi dây dù dài khoảng 80cm, đi vào nhà nghỉ Bình Dân với mục đích lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của nhà nghỉ để chiếm đoạt.

Khi đến nơi, G gặp bà Triệu Thị L, là nhân viên của nhà nghỉ, hỏi thuê phòng, bà L dẫn G đến nhận phòng B để thuê. Sau khi khách nhận phòng, bà L quay về phòng E, là phòng nghỉ của bà để nghỉ ngơi.

Sau khi nhận phòng, G sang phòng E gặp bà L để hỏi lấy điều khiển Tivi, nhưng thực chất là để quan sát xem có người nào khác hay không. Sau khi quan sát thấy chỉ có bà L ở tại nhà nghỉ, G liền lấy giao Thái Lan giấu trong người kề giao vào cổ bà L, khống chế bà L, đưa vào nhà vệ sinh rồi dùng dây dù cột hai tay bà L ra phía sau, đồng thời kéo quần dài của bà L xuống đến đầu gối và lục soát người bà L để tìm kiếm tài sản nhưng không có. Lúc này, bà L nói tiền để bên ngoài nên G kéo bà L ra khỏi nhà vệ sinh, đẩy bà L nằm xuống giường rồi tiếp tục tìm kiếm tài sản nhưng không có.

Lúc này, G nảy sinh ý định giao cấu với bà L. G dùng tay cởi quần lót và quần dài của bà L ném xuống nền nhà, rồi cởi quần G xuống đến đầu gối, G nằm đè lên người bà L rồi dùng tay cầm dương vật của mình đưa vào âm đạo của bà L nhưng do dương vật của G không cương cứng nên không đưa vào được.

Khi đang thực hiện hành vi, thì có người gọi trả phòng, do sợ bị phát hiện nên G đứng lên khóa cửa phòng lại, rồi tiếp tục quay vào, nằm đè lên người bà L tiếp tục hành vi giao cấu nhưng vẫn không giao cấu được. Một lúc sau, anh Nguyễn Văn P là khách thuê nhà nghỉ và anh Nguyễn Thanh L là quản lý nhà nghỉ thấy có dấu hiệu bất thường nên đi đến trước cửa phòng gọi bà L. G đi ra mở cửa, lợi dụng lúc này, bà L bỏ chạy ra ngoài kêu cứu, còn G bị người dân

khống chế, báo cho Công an phường Xuân Tân, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ của bị cáo 01 xe mô tô; 01 điện thoại di động; 01 con dao Thái lan; 01 sợi dây dù.

Tại Cáo trạng số 81/CT-VKS-LK ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, truy tố bị cáo về các tội: "Cướp tài sản" và "Hiếp dâm" theo điểm d khoản 2 Điều 168 và khoản 1 Điều 141 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại bản án sơ thẩm số 78/2020/HS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L đã áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt Lê Văn G 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: "Cướp tài sản" và 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: "Hiếp dâm". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 14-3-2020.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp khác, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/9/2020, bị cáo Lê Văn G có đơn kháng cáo đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên kháng cáo, tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Hành vi của bị cáo Lê Văn G đã phạm vào tội "Cướp tài sản" và "Hiếp dâm" theo quy định tại khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 141 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét xử bị cáo 07 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" và 02 năm 06 tháng tù về tội "Hiếp dâm". Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng lại không thành khẩn nhận tội, chỉ nhận tội "Cướp tài sản" không nhận tội "Hiếp dâm" và cũng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, cho nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn G khai báo không thành khẩn, không thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Hồ sơ thể hiện: Do cần tiền tiêu xài, bị cáo G đã có hành vi sử dụng dao khống chế, dùng dây dù trói tay bị hại Triệu Thị L, khiến bà L bị tê liệt về ý chí, không thể phản kháng, để nhằm chiếm đoạt tài sản của bà L nhưng không được do không tìm được tài sản.

Với hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Lê Văn G đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội "Cướp tài sản" và "Hiếp dâm" theo điểm d khoản 2 Điều 168 và khoản 1 Điều 141 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác, quyền nhân thân, quyền được bảo vệ thân thể, xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, hoang mang dư luận. Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo mức án 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: "Cướp tài sản" và 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: "Hiếp dâm". Tổng hợp hình phạt của hai tội: 10 (Mười) năm tù là phù hợp và thỏa đáng.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác chưa được xem xét. Bị cáo không cung cấp được tình tiết nào mới, không thành khẩn nhận tội cho nên không được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) do đó kháng cáo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí:

Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 141; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Văn G 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: "Cướp tài sản" và 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: "Hiếp dâm". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 14-3-2020.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Bị cáo Lê Văn G phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. L (2);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. L;
- Công an TP. L;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. L;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Sơn